

Số: /K2ĐT-KHCN  
V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch KH&CN  
năm 2022

*Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2021*

Kính gửi:

- Các Vụ, Cục, Tổng Cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ;
- Văn phòng Chương trình phát triển sản phẩm Vắc xin phòng bệnh cho người

Căn cứ công văn số 718/BKHCN-KHTC ngày 31/3/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2022; Thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được giao quản lý lĩnh vực khoa học và công nghệ ngành y tế, Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện như sau:

#### **A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2021**

Trên cơ sở thực hiện kế hoạch KH, CN & ĐMST năm 2020; tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán 06 tháng đầu năm và ước thực hiện 06 tháng cuối năm 2021, đề nghị các đơn vị đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KH, CN & ĐMST và dự toán ngân sách KH&CN năm 2021 với các yêu cầu cụ thể sau đây:

1. Thực hiện việc đánh giá từng nội dung kế hoạch KH, CN & ĐMST năm 2021 theo hướng dẫn và hệ thống Biểu mẫu báo cáo tại Phụ lục 1 kèm theo công văn. Việc đánh giá và báo cáo phải thể hiện được:

a) Kết quả nổi bật của các hoạt động khoa học công nghệ trong từng lĩnh vực: Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; Sở hữu trí tuệ, Đánh giá - Thẩm định và Giám định công nghệ; Ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình, đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân; Ứng dụng và đổi mới công nghệ; Phát triển thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; Thông tin và thống kê KH&CN; Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN.

b) Kết quả nổi bật của hoạt động KH, CN & ĐMST thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Nhận xét đánh giá về: tác động của các kết quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào đời

sống, nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất, hiệu quả sản xuất, kinh doanh của ngành hoặc địa phương, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thể hiện bằng giá trị khoa học (số lượng công trình nghiên cứu đã công bố quốc tế và trong nước; số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp khác được cấp văn bằng bảo hộ) và giá trị thực tế (doanh thu, lợi nhuận, bảo vệ môi trường, số lượng người được tập huấn, đào tạo do hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, khai thác tài sản trí tuệ mang lại).

c) Tình hình thực hiện các cơ chế và chính sách quản lý KH, CN & ĐMST, trong đó đặc biệt chú ý tình hình thực hiện: Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập; Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính Quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của tổ chức KH&CN công lập; Thông tư liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, v.v...

d) Những khó khăn, tồn tại, vướng mắc cần khắc phục.

đ) Các kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động KH, CN & ĐMST của các đơn vị trong quá trình thực hiện, xây dựng cơ chế chính sách bảo đảm hiệu quả của hoạt động KH, CN & ĐMST trong những năm tiếp theo.

2. Đối với Chương trình Phát triển sản phẩm quốc gia "Vắc xin phòng bệnh cho người" căn cứ mục tiêu, nội dung, sản phẩm của từng nhiệm vụ cần đánh giá, báo cáo tình hình triển khai thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2021, những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị hướng giải quyết để Bộ KH&CN kịp thời điều chỉnh các quy định về tổ chức quản lý Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 cho phù hợp.

3. Chú ý đánh giá một số nội dung hoạt động KH&CN khác như:

- Đánh giá tập trung vào đóng góp của KH, CN & ĐMST đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương; tình hình thực hiện các nhiệm vụ nhằm thúc đẩy hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao chất lượng và giá trị, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh; những tồn tại, bất cập và đề xuất khắc phục.

- Tình hình và kết quả thực hiện việc xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn - quy chuẩn kỹ thuật và tác động của việc thực hiện các tiêu chuẩn - quy chuẩn kỹ thuật, các quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa đến sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu v.v...

- Tình hình xây dựng và thực thi chính sách hỗ trợ chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam. Đề xuất định hướng ưu tiên chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội và khả năng làm chủ, sáng tạo công nghệ trong nước.

4. Đối với Chương trình Phát triển sản phẩm quốc gia "Vắc xin phòng bệnh cho người" cần khẩn trương tổ chức đánh giá tổng kết kết quả thực hiện và hiệu quả mang lại của Chương trình theo các nội dung được phê duyệt làm cơ sở để Bộ KH&CN tổ chức thực hiện các chương trình theo định hướng tái cơ cấu các Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

## **B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2022**

Kế hoạch và dự toán ngân sách cho KH&CN năm 2022 cần xây dựng theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật KH&CN, Luật Đầu tư công; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 và các văn bản hướng dẫn Luật, quy trình, thời gian, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31 tháng 12 năm 2022.

Việc xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2022 cần gắn với việc tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung về KH, CN & ĐMST trong các Luật, Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Chương trình hành động của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; các nhiệm vụ khác được Lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao, phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025 và định hướng Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 - 2030 theo đó phát triển KH&CN phục vụ sự

ng nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, cải thiện môi trường kinh doanh và sức cạnh tranh; phát triển tiềm lực KH&CN.

Nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2022 cần thuyết minh cụ thể, số liệu chi tiết tổng hợp chung vào các biểu mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo công văn này, đáp ứng các yêu cầu sau:

## **I. Nhiệm vụ KH&CN các cấp**

### **1. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia**

Việc tổ chức xây dựng các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thực hiện trong kế hoạch năm 2022 được tiến hành theo quy trình sau đây:

1.1. Hiện nay, Bộ KH&CN đang tiếp tục thực hiện chủ trương tái cơ cấu các chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, định hướng tới năm 2030 theo hướng phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Để bảo đảm tiến độ xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2022, Bộ KH&CN đề nghị các đơn vị đề xuất nhiệm vụ KH&CN ở tầm cấp quốc gia theo mục tiêu, nội dung của các chương trình KH&CN hiện đang có hiệu lực thực hiện gửi trực tiếp về Bộ KH&CN hoặc gửi về Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo để xem xét và xử lý, tổng hợp gửi Bộ KH&CN theo quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN ngày 26 tháng 5 năm 2014 và Thông tư số 03/2017/TT-BKH&CN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

1.2. Đối với Chương trình Phát triển sản phẩm quốc gia "Vắc xin phòng bệnh cho người" cần phối hợp chặt chẽ với Bộ KH&CN tổ chức xác định nhiệm vụ; tuyển chọn hoặc xét chọn nhiệm vụ KH&CN, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để làm căn cứ bố trí kế hoạch năm 2022 theo các quy định của Luật KH&CN và hướng dẫn của Bộ KH&CN.

1.3. Đối với các nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2019/TT-BKH&CN ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN nghệ quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư.

1.4. Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học công nghệ quốc gia (Quỹ Nafosted) tài trợ kinh phí, các đơn vị chuẩn bị hồ sơ

đề nghị Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo hướng dẫn và thông báo của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia thuộc Bộ KH&CN để xem xét tổng hợp.

1.5. Các đơn vị chuẩn bị nội dung, kế hoạch triển khai các Chương trình/Kế hoạch KH&CN Quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đến năm 2030, cụ thể:

- Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 (Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ);

- Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 (Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ);

- Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 (Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ).

## **2. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở**

2.1. Trên cơ sở tổng kết đánh giá hoạt động KH, CN & ĐMST giai đoạn 2016-2020, dự kiến nội dung thực hiện năm 2021 các đơn vị xây dựng nhiệm vụ cấp Bộ Y tế cần bám sát mục tiêu, nội dung và dự kiến sản phẩm của 05 Chương trình KH&CN cấp Bộ đã được Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt tại Quyết định số 1704/QĐ-BYT ngày 14/4/2020, bao gồm:

- Chương trình: Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong dự phòng bệnh, tật ở người

- Chương trình: Nghiên cứu phát triển, ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh ở người

- Chương trình: Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến nhằm phát triển dược phẩm và Trang thiết bị y tế

- Chương trình: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ tiên tiến phát triển sản phẩm chất lượng cao từ Dược liệu và bài thuốc Việt Nam phục vụ điều trị, chăm sóc sức khỏe con người

- Chương trình: Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực sức khoẻ

2.2. Đối với các nhiệm vụ tăng cường năng lực hỗ trợ nghiên cứu, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN:

- Trên cơ sở quy hoạch, định hướng phát triển ngành hoặc lĩnh vực đã được phê duyệt giai đoạn 2021-2025, các đơn vị rà soát và đánh giá hiện trạng, nhu cầu cần thiết cần tăng cường năng lực hỗ trợ nghiên cứu, chống xuống cấp cho các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu của đơn vị để xây dựng thuyết minh, đề xuất Bộ Y tế thẩm định, phê duyệt.

2.3. Đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hoặc đầu tư xây dựng cơ bản cho các phòng thí nghiệm, các tổ chức nghiên cứu – phát triển:

- Bám sát và đảm bảo phù hợp với tiến độ, nội dung của việc xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 của quốc gia và của ngành, các quy hoạch có liên quan theo quy định của Luật Quy hoạch. Căn cứ quy hoạch phát triển ngành y tế cần rà soát lại và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các dự án xây dựng cơ bản cho KH&CN để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hoặc đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm của các tổ chức KH&CN. Trường hợp đơn vị có nhu cầu cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm hoặc đầu tư cho các tổ chức nghiên cứu – phát triển cần tiến hành điều tra, khảo sát, xây dựng dự án trình Bộ Y tế thẩm định, phê duyệt theo các quy định hiện hành về quản lý vốn đầu tư và xây dựng.

2.4. Trong giai đoạn 2021-2030, Bộ KH&CN chủ trương tập trung đầu tư một số phòng thí nghiệm chuyên sâu và một số tổ chức nghiên cứu phát triển để hình thành các tổ chức, nhóm nghiên cứu mạnh, có trình độ và năng lực tương đương với các tổ chức tương tự ở các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Do đó, đề nghị các đơn vị nghiên cứu, đề xuất và thuyết minh rõ hiện trạng, năng lực để Bộ Y tế tổng hợp gửi Bộ KH&CN xử lý, cập nhật thông tin trình Chính phủ, Quốc hội xem xét, quyết định.

## **II. Tiến độ triển khai xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2022**

- Trước ngày 14/5/2021: Các đơn vị hoàn thành việc đề xuất, tổng hợp danh mục gửi đến Bộ Y tế (Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo) để xem xét và xử lý, tổng hợp gửi Bộ KH&CN, kể cả đề xuất đối với nhiệm vụ nghiên cứu

theo Nghị định thư đề Bộ KH&CN xem xét tổng hợp, làm căn cứ đàm phán hoặc ký kết với các đối tác có liên quan.

- Trước ngày 30/5/2021, các đơn vị có đề xuất dự án duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất- kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN gửi hồ sơ về Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét.

- Trước ngày 18 tháng 6 năm 2021, các đơn vị gửi báo cáo đầy đủ về Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo (file điện tử gửi vào hộp thư điện tử của Phòng Quản lý nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo địa chỉ : [nckh.k2dt@gmail.com](mailto:nckh.k2dt@gmail.com) ), để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ.

Bản kế hoạch, các mẫu biểu kèm theo được đăng tải trên trang tin điện tử của Bộ Y tế tại địa chỉ: <http://moh.gov.vn> và trang thông tin điện tử của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo tại địa chỉ: <http://asttmoh.vn>

Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo hướng dẫn để các đơn vị nghiên cứu triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thứ trưởng Trần Văn Thuấn (để b/c);
- Cục trưởng (để b/cáo);
- Vụ Kế hoạch- Tài chính (để p/hợp);
- Lưu: VT, KH&CN.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Ngô Quang**

## **DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Công văn số /K2ĐT-KHCN ngày tháng 4 năm 2021  
của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo)*

### **Phụ lục 1:**

*Biểu TK1-1: Kết quả hoạt động KH&CN năm 2020 và 06 tháng đầu năm 2021.*

*Biểu TK1-2: Kết quả hoạt động KH&CN nổi bật 2020 và 06 tháng đầu năm 2021.*

*Biểu TK1-3: Kết quả Chương trình KH&CN cấp quốc gia năm 2020 và 06 tháng đầu năm 2021.*

*Biểu TK1-4: Nhân lực và tổ chức KH&CN.*

*Biểu TK1-5: Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN.*

*Biểu TK1-6: Văn bản về KH&CN được ban hành.*

*Biểu TK1-7: Kết quả triển khai thực hiện cơ chế khoán đối với nhiệm vụ KH&CN*

*Biểu TK1-8: Kết quả hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN*

### **Phụ lục 2:**

*Biểu TK2-1: Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình KH&CN cấp quốc gia thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành năm 2021.*

*Biểu TK2-2: Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, tỉnh năm 2021.*

*Biểu TK2-3: Kế hoạch vốn đầu tư phát triển KH&CN năm 2021.*

*Biểu TK2-4: Dự kiến kinh phí KH&CN năm 2022.*



BỘ Y TẾ  
Đơn vị.....

**Phụ lục 1**  
*Biểu TK1-1*

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
NĂM 2020 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

<b>SỐ TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị chủ trì, Tác giả</b>	<b>Tóm tắt nội dung</b>	<b>Ghi chú</b>
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus</i>
1				
2				
...				
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1				
2				
...				
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			<i>Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...</i>
1				
2				
...				
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện

2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện (chia rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
V	Kết quả khác			<i>Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả</i>
1				
...				

BỘ Y TẾ  
Đơn vị.....

**Phụ lục 1**  
*Biểu TK1-2*

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỘI BẬT  
NĂM 2020 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

<b>STT</b>	<b>Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ</b>	<b>Xuất xứ</b> (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	<b>Hiệu quả kinh tế-xã hội</b> (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	<b>Ghi chú</b>
1				
2				
3				
....				

BỘ Y TẾ  
Đơn vị.....

**Phụ lục 1**  
*Biểu TK1-3*

**KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA  
NĂM 2020 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

<b>STT</b>	<b>Tên Chương Trình/Đề án</b>	<b>Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra</b>	<b>Kết quả đã đạt được</b>	<b>Đánh giá mức độ hoàn thành (%)</b>	<b>Lý do</b>
1					
2					

BỘ Y TẾ  
Đơn vị.....

**Phụ lục 1**  
*Biểu TK1-4*

**NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN**

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động <sup>1</sup>	Nhân lực hiện có đến 30/6/2020						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2020 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ ngoài công lập)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6÷9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Các đơn vị do cấp bộ, ngành, địa phương quyết định thành lập									
1										
2										
...										
II	Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý									
1										
2										
...										
	<b>Tổng số</b>									

<sup>1</sup> Cơ chế hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN  
NĂM 2020 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)		
			Năm 2019	6 tháng đầu năm 2020	05 năm 2016-2020
<b>I</b>	<b>Số nhiệm vụ KH&amp;CN được triển khai</b>				
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ			
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ			
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ			
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ			
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ			
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ			
<b>II</b>	<b>Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ</b>				
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA			
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HĐ			
3	Giám định công nghệ	CN			
<b>III</b>	<b>Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân</b>				
1	Số nguồn phóng xạ kín				
-	<i>Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới</i>	Nguồn			
-	<i>Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng</i>	Nguồn			
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới				
-	<i>Trong lĩnh vực Y tế</i>	Thiết bị			
-	<i>Trong lĩnh vực Công nghiệp</i>	Thiết bị			
-	<i>Trong An ninh hải quan</i>	Thiết bị			
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)			
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án			
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng			
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở			
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép			
<b>IV</b>	<b>Công tác Sở hữu trí tuệ</b>				
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ			
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn			
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng			
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Vụ			
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA			

6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK			
<b>V</b>	<b>Công tác thông tin và thống kê KH&amp;CN</b>				
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL			
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút			
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&amp;CN</i>	Tạp chí/bản tin			
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát			
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu			
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN				
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&amp;CN đang tiến hành</i>	N.vụ			
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&amp;CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ			
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&amp;CN được ứng dụng</i>	N.vụ			
5	Thống kê KH&CN				
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>			
5.2	<i>Báo cáo thống kê cơ sở</i>	<i>Báo cáo</i>			
5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>			
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)				
<b>VI</b>	<b>Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng</b>				
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện			
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn			
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn			
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị			
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc			
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu			
<b>VII</b>	<b>Công tác thanh tra</b>				
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc			
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị			
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ			
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ			
<b>VIII</b>	<b>Hoạt động đổi mới công nghệ</b>				
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ			
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ <sup>2</sup>	Doanh nghiệp			

<sup>2</sup> Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp			
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ			
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ			
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ			
<b>IX</b>	<b>Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&amp;CN</b>				
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người			
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người			
3	Kéo dài thời gian công tác	Người			
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người			
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người			
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người			
<b>X</b>	<b>Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&amp;CN</b>				
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp			
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở			
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng			
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng			
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị			
<b>XI</b>	<b>Công tác phát triển thị trường KH&amp;CN</b>				
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ			
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm	%			

- Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).
- Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).
- Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...
- Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).



	và dịch vụ KH&CN				
<b>XII</b>	<b>Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia</b>				
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp			
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án			
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp			
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị			
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức			



BỘ Y TẾ  
Đơn vị.....

**Phụ lục 1**  
*Biểu TK1-7*

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN  
CƠ CHẾ KHOÁN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN  
NĂM 2020 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

<b>Số nhiệm vụ triển khai 05 năm 2016-2020</b>		
<b>Tổng số</b>	<b>Khoán đến sản phẩm cuối cùng</b>	<b>Khoán từng phần</b>
Cấp Bộ, Tỉnh		
Cấp cơ sở		

BỘ Y TẾ  
Đơn vị.....

**Phụ lục 1**  
*Biểu TK1-8*

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN**

<b>Quyết định thành lập</b> <i>(số, ngày tháng năm)</i>	<b>Vốn điều lệ</b> <i>(Triệu đồng)</i>	<b>Hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, ....</b>		<b>Giải ngân</b> <i>(Triệu đồng)</i>		<b>Ghi chú</b>
		<b>Nội dung</b>	<b>Tổng kinh phí</b> <i>(Triệu đồng)</i>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>	
		Tài trợ				
		Cho vay				
		Bảo lãnh vốn vay				
		.....				



BỘ Y TẾ

Đơn vị.....

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, TỈNH NĂM 2022**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Đã bố trí đến hết năm 2020	Dự kiến năm 2021	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2021		
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	<b>Tổng cộng</b>										
<b>I</b>	<b>Nhiệm vụ chuyển tiếp sang 2021</b>										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										
<b>II</b>	<b>Nhiệm vụ mở mới 2021</b>										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										



**DỰ KIẾN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2022**

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2020	DỰ KIẾN KINH PHÍ NĂM 2021
<b>A</b>	<b>Kinh phí sự nghiệp KH&amp;CN</b>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
<b>I</b>	<b>Nhiệm vụ KH&amp;CN cấp Quốc gia</b> (các Chương trình/Đề án được tiếp tục giao kinh phí về Bộ, ngành quản lý)	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1.1	Chương trình/Đề án 1		
1.2	Chương trình/Đề án 2		
....			
<b>II</b>	<b>Nhiệm vụ KH&amp;CN cấp Bộ</b>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ		
3	Các hoạt động KH&CN khác		
3.1			
3.2			
...			
4	Các dự án có tính chất đặc biệt		
4.1			
4.2			
...			
<b>B</b>	<b>Kinh phí đầu tư phát triển</b>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Dự án 1		
2	Dự án 2		
...			
	<b>Tổng số (A + B)</b>		